

Bản án số: 06/2023/KDTM-PT

Ngày 12/4/2023

V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Sỹ và ông Lê Đình Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 08/2022/TLPT-KDTM ngày 17/10/2022 về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thế chấp tài sản*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2022/KDTM-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐ-PT ngày 14/2/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Việt C – Chủ doanh nghiệp tư nhân P (sau đây viết tắt là DNTN P). Địa chỉ trụ sở: 72 T, phường Y, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn :

+ Ông Nguyễn Duy N – Luật sư của VPLS T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Ông Trần Văn H – Luật sư của văn phòng luật sư S – thuộc đoàn luật sư TP. Hà Nội. Địa chỉ: 126 Phố Đ, phường V, quận Ba Đình, TP. Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển V (sau đây viết tắt là BIDV). Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật cho bị đơn: Ông Phan Đức T – Chủ tịch hội đồng quản trị. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn:

+ Ông Phạm Thanh C – Phó giám đốc ban pháp chế. Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Có mặt

+ Ông Nguyễn Anh V - Chuyên viên ban pháp chế. Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Có mặt

+ Ông Nguyễn Văn Đ - Phó giám đốc chi nhánh Nam Gia Lai Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển V (sau đây viết tắt là BIDV Nam Gia Lai). Địa chỉ chi nhánh: 117 T, phường D, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Ông Nguyễn Ngọc N- chuyên viên KHDN1- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V- Chi nhánh Gia Lai. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Ngô Đức N- Luật sư VPLS N; địa chỉ: 203 L, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn: Bà Hồ Thị H (vợ ông Lê Viết C). Địa chỉ: 72 T, phường Y, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Công ty cổ phần khử trùng V (sau đây viết tắt là Công ty khử trùng). Địa chỉ trụ sở : 29 T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật cho Công ty cổ phần khử trùng V: Bà Nguyễn Bạch T – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Huỳnh Ngọc T, địa chỉ : 46/10/5 khu phố A, phường Đ, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Thành N; địa chỉ : 17 Y , phường T, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho công ty cổ phần khử trùng V: Ông Đàm Quốc C, luật sư Công ty luật C; địa chỉ : 17 Y, phường T, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

+ Công ty cổ phần thương mại dịch vụ bảo vệ T (sau đây viết tắt là Công ty T). Địa chỉ trụ sở: 207 S, phường H, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H – Tổng Giám đốc. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Người làm chứng:

+ Ông Lê Viết H. Địa chỉ: xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Ông Chu Văn B. Địa chỉ: tổ 1, phường Y, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

+ Ông Văn Đức L – Giám đốc Công ty B (sau đây viết tắt là Công ty B). Địa chỉ: 03 T, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Ông Nguyễn Ngọc N. Địa chỉ: hẻm 58 P, phường T, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Ông Lê Khánh D. Địa chỉ: 57B Đ, tổ 8, phường H, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Ông Ngô Thành N. Địa chỉ: 05 P, tổ A, phường Tây Sơn, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- **Người giám định:** Ông Nguyễn Đình H và ông Lê Hồng P - Giám định viên trong Kết luận giám định số: 193, 381/C54C-Đ3, ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Viện khoa học hình sự phân viện KHHS tại Đà Nẵng. Vắng mặt

Địa chỉ: 284 Đ, phường H, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

5. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Lê Viết C- chủ doanh nghiệp tư nhân P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H và bị đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2015, DNTN P và BIDV Nam Gia Lai ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản: số 01/2015/1061129/HĐBĐ (sau đây gọi tắt là hợp đồng thế chấp), thế chấp 20.000 tấn sản lát khô trong kho tại xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai để vay vốn kinh doanh. Nhưng số lượng hàng hóa thực tế trong kho tại thời điểm thế chấp là 22.132.970 kg sản lát khô, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Sau khi ký hợp đồng thế chấp BIDV Nam Gia Lai lập Biên bản định giá ngày 04/12/2015 xác định hàng hóa trong kho nhận thế chấp là 20.000 tấn sản lát khô đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, có giá trị 88 tỷ đồng. Ngay sau khi ký Biên bản định giá BIDV Nam Gia Lai yêu cầu DNTN P phải đưa toàn bộ chìa khóa kho cho họ giữ và BIDV Nam Gia Lai thay toàn bộ chìa khóa mới để khóa 04 cửa kho và niêm phong 02 cửa ngoài của kho hàng (kho hàng gồm 04 cửa, có 02 cửa khóa trong và 02 cửa khóa ngoài). Việc giữ chìa khóa và niêm phong kho hàng thể hiện tại Biên bản định giá ngày 04/12/2015.

BIDV Nam Gia Lai yêu cầu DNTN P thuê bên thứ ba giám sát nên DNTN P, BIDV Nam Gia Lai đã ký hợp đồng với Công ty bảo vệ Phương Đông khoảng hơn 01 tháng thì thanh lý hợp đồng, sau đó ký kết hợp đồng với Công ty T để bảo vệ vòng ngoài và giám sát số lượng hàng hóa trong kho, tại hợp đồng thuê giám sát kho hàng số: 01/2016/10611129/HĐBĐ ngày 04/02/2016.

Khi DNTN P muốn xuất hàng thì phải thực hiện theo một trình tự nghiêm ngặt, phải có văn bản gửi kèm theo lý do và khi có sự đồng ý bằng văn bản của BIDV Nam Gia Lai gửi cho Công ty T, thì bảo vệ của Công ty T mở kho cho vào. Từ khi thế chấp kho đến khi bị cháy kho được sự đồng ý của BIDV Nam Gia Lai, DNTN P vào kho được 02 lần, lần thứ nhất vào kho ngày 11/3/2016 để xuất 93.460 kg hàng và lần thứ 2 vào kho ngày 15/3/2016 để khử trùng.

Đến đêm ngày 22/3/2016 bị cháy toàn bộ nhà kho và hàng hóa trong kho. Thiệt hại theo yêu cầu tại đơn khởi kiện và tại các đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện (nguyên đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện 03 lần) và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cho rằng thiệt hại cụ thể như sau:

- Thiệt hại về hàng hóa (sắn lát khô): Số lượng thực tế trong kho là 22.132.970 kg – 93.460 kg xuất bán – 563.410 kg sắn lát khô cứu được = 21.467.100 kg x 4.400 đ/kg = 94.494.840.000 đồng.

- Thiệt hại về nhà kho 10.557.986.297 đồng.

- Thiệt hại về chi phí chữa cháy + tường rào 364.300.000 đồng.

Cộng các thiệt hại = 105.417.126.297 đồng.

- Thiệt hại tiền lãi: Lãi suất 13,5%/năm đối với tổng số tiền bị thiệt hại là 105.417.126.297 đồng, từ ngày cháy kho 23/3/2016 đến ngày xét xử (ngày 24/8/2022) là 77 tháng 01 ngày số tiền là 91.322.798.727 đồng.

Nguyên đơn cho rằng lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn cụ thể:

Căn cứ vào hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp (sắn lát khô trong kho) thuộc quyền quản lý, bảo quản hàng hóa của nguyên đơn, nhưng bị đơn đã khóa, giữ chìa khóa tất cả các cửa kho và niêm phong kho hàng việc làm này của bị đơn đã làm cho nguyên đơn không vào được kho để bảo quản được hàng hóa thế chấp. Mặt khác khi khóa kho và niêm phong kho hàng thì bị đơn đã thiếu trách nhiệm không lên kho kiểm tra hàng hóa để phát hiện xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra. Việc bị đơn đã khóa kho và niêm phong kho hàng thể hiện bị đơn đã giữ hàng hóa thế chấp nên hàng hóa thế chấp bị mất mát, hư hỏng, bị cháy nổ thì bị đơn phải bồi thường toàn bộ hàng hóa có chất lượng như khi bị đơn quản lý kho hàng ngày 04/12/2015.

Khi cháy kho thì hợp đồng bảo hiểm đã hết hạn nên không được bảo hiểm lỗi này cũng thuộc về bị đơn vì bị đơn cũng là người chỉ định nguyên đơn phải mua bảo hiểm tại Công ty Bảo Minh. Khi nguyên đơn và Công ty Bảo Minh ký hợp đồng xong thì cán bộ BIDV Nam Gia Lai đã đem hợp đồng bảo hiểm về cho người đại diện của bị đơn ký nhưng sau đó không giao lại hợp đồng bảo hiểm cho nguyên đơn dẫn đến nguyên đơn không biết thời gian hết hạn của hợp đồng bảo hiểm để mua lại, mặt khác bị đơn cũng không nhắc nhở nguyên đơn tiếp tục mua bảo hiểm khi hết hạn hợp đồng.

Khi xảy ra cháy kho bị đơn không có trách nhiệm cùng với nguyên đơn để hạn chế thiệt hại và cũng không tạo điều kiện cho nguyên đơn khắc phục hậu quả cụ thể: khi cháy kho thì không kịp thời đồng ý cho Công ty T mở toàn bộ các cửa kho để chữa cháy (khoảng 01 giờ sau khi phát hiện ra cháy thì mới đồng ý cho mở các cửa kho), không giảm lãi suất vay thậm chí còn tính lãi suất quá hạn cho nguyên đơn làm cho nguyên đơn bị thiệt hại nay lại càng khó khăn hơn.

Nguyên đơn xác định lỗi có mối quan hệ nhân quả dẫn đến thiệt hại là: Căn cứ vào kết luận giám định: “Nguyên nhân cháy: Sắt trên mặt nền xi măng dưới đồng sắn lát tại góc phía Đông Bắc khoang số 2 có lớp bột sắn tích tụ lâu ngày bị ẩm mốc dẫn tới quá trình lên men vi sinh làm phát nhiệt, nhiệt này không được thoát ra nên tích tụ lại làm nhiệt độ ở khu vực này tăng cao đến khi tự cháy, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nói trên”.

Việc bị đơn khóa, giữ chìa khóa tất cả các cửa kho và niêm phong kho việc làm này của bị đơn đã làm cho nguyên đơn không vào được kho để bảo quản hàng hóa thể chấp vì đặc thù của bảo quản hàng hóa nông sản là sản lát khô là phải thường xuyên mở tất cả các cửa cho thông thoáng, khí nóng thoát ra ngoài. Bị đơn không cho nguyên đơn vào kho và nguyên đơn cũng không tự mình vào kho được vì kho đã khóa, niêm phong và có bảo vệ canh gác vòng ngoài, mặt khác bị đơn quản lý thiếu trách nhiệm không lên mở kho để thông thoáng khí, với khí hậu mùa khô nắng nóng (bị đơn khóa kho và niêm phong kho từ ngày 04/12/2015 đến ngày cháy là đêm ngày 22/3/2016) gần 4 tháng vào mùa khô tại Tây Nguyên đã làm phát sinh nhiệt, nhiệt này không được thoát ra nên tích tụ lại làm nhiệt độ tăng cao dẫn đến cháy kho hàng. Chính đây là lỗi có mối quan hệ nhân quả gây ra thiệt hại nêu trên.

Việc quản lý thiếu trách nhiệm của bị đơn thể hiện tại văn bản ngày 25/3/2016 của Công ty T xác nhận như sau : “ *Chúng tôi thấy rằng trong toàn bộ quá trình quản lý, bảo quản tài sản ở kho, phía ngân hàng là bên giữ chìa khóa, niêm phong bảo quản hàng hóa nhưng ít khi quan tâm, kiểm kê định kỳ đối với hàng hóa dẫn đến việc không nắm được tình hình thường xuyên của hiện trạng tài sản. Kể từ ngày nhận bàn giao tài sản từ DNTN P đến nay, Ngân hàng hầu như không có cử người trực tiếp lên kho hàng để giám sát quản lý, mặc dù ngân hàng giữ chìa khóa và chúng tôi chỉ được Ngân hàng cho bảo vệ vòng ngoài, chống trộm cắp, mọi quy trình quản lý, bảo vệ tài sản bên trong đều do Ngân hàng thực hiện.* ”. Chính điều này thể hiện bị đơn có lỗi hoàn toàn.

Về chất lượng sản lát trong kho lúc bị cháy: Theo nhận định của nguyên đơn thì vẫn đảm bảo chất lượng vì trước ngày cháy là ngày 11/3/2016 nguyên đơn xuất khẩu hơn 93 tấn vẫn đảm bảo chất lượng thì trong thời gian hơn 10 ngày thì sản lát khô không thể giảm chất lượng được, theo kết luận giám định: “*Nguyên nhân cháy: Sát trên mặt nền xi măng dưới đống sản lát tại góc phía Đông Bắc khoang số 2 có lớp bột sản lát tích tụ lâu ngày bị ẩm mốc dẫn tới quá trình lên men vi sinh làm phát nhiệt, nhiệt này không được thoát ra nên tích tụ lại làm nhiệt độ ở khu vực này tăng cao đến khi tự cháy, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nói trên*”. Bột sản lát được xác định nằm ở dưới nền xi măng, chứ không phải trên đống sản lát. Nguyên đơn cho rằng có bột sản lát chứ không phải sản kém chất lượng tạo nên bột sản lát. Mặt khác từ khi BIDV Nam Gia Lai giữ chìa khóa và niêm phong kho hàng đến khi cháy kho thì chất lượng hàng hóa có giảm sút, kém chất lượng, cháy nổ, mất mát thì BIDV phải bồi thường đúng số lượng và chất lượng như khi ban đầu đã định giá xác định chất lượng.

Về sự tham gia của Công ty cổ phần khử trùng V: Nguyên đơn cho rằng căn cứ vào văn bản giải thích của cơ quan giám định thì “*Việc thực hiện khử trùng không có tác động đến việc tăng nhiệt độ dẫn đến sản tự cháy*”, mặt khác DNTN P đã kinh doanh mặt hàng này hơn 10 năm và hàng năm đã thuê khử

trùng rất nhiều kho hàng nhưng không có sự cố nào. Vì vậy nguyên đơn cho rằng Công ty khử trùng không có lỗi nên không có yêu cầu gì đối với Công ty khử trùng.

Nguyên đơn cho rằng kho hàng bị cháy lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn nên yêu cầu bị đơn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cụ thể gồm:

- Bồi thường bằng hiện vật là: 21.476.100 kg sắt lát khô đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Thiệt hại về nhà kho 10.557.986.297 đồng.

- Thiệt hại về chi phí chữa cháy + tường rào 364.300.000 đồng.

- Thiệt hại tiền lãi: Lãi suất 13,5%/năm đối với tổng số tiền bị thiệt hại là 105.417.126.297 đồng, từ ngày cháy kho 23/3/2016 đến khi xét xử là 77 tháng 01 ngày số tiền là 91.322.798.727 đồng.

Đối với 1.140.050 kg sắt lát bị cháy đen lẫn tạp chất nguyên đơn bán được 2.508.110.000 đồng được khấu trừ cho bị đơn khi thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của bị đơn trình bày:

Về tố tụng: Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu vì vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn không có lỗi dẫn đến thiệt hại vì:

Căn cứ vào kết luận giám định: "*Nguyên nhân cháy: Sắt trên mặt nền xi măng dưới đồng sắt lát tại góc phía Đông Bắc khoang số 2 có lớp bột sắt tích tụ lâu ngày bị âm mốc dẫn tới quá trình lên men vì sinh làm phát nhiệt, nhiệt này không được thoát ra nên tích tụ lại làm nhiệt độ ở khu vực này tăng cao đến khi tự cháy, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nói trên*" thì kho tự cháy bị đơn không làm gì để gây nên cháy kho hàng.

Bị đơn không vi phạm hợp đồng thế chấp vì việc bị đơn giữ chìa khóa và niêm phong kho hàng là thỏa thuận khác của hai bên, nguyên đơn không phản đối.

Việc mua bảo hiểm là nghĩa vụ của nguyên đơn, việc bị đơn có ký hay không trong hợp đồng bảo hiểm không quan trọng vì nguyên đơn mới là bên mua bảo hiểm. Thực tế bị đơn không tham gia đàm phán ký kết hợp đồng và Hợp đồng thế chấp tài sản không quy định bị đơn phải tham gia ký kết hợp đồng bảo hiểm. Việc hết hợp đồng bảo hiểm thì nguyên đơn buộc phải biết vì bị đơn không phải là các bên trong hợp đồng bảo hiểm.

Tài sản thế chấp là sắt lát trong kho vẫn thuộc sự quản lý của nguyên đơn, bị đơn không cản trở nguyên đơn vào kho, thế hiện họ đã vào kho để xuất hàng và khử trùng. Bị đơn giữ chìa khóa, khóa và niêm phong kho là việc bảo vệ hàng hóa thế chấp tránh mất mát mà bị đơn vẫn thường làm. Mặt khác khi cháy kho bị đơn cũng không giữ chìa khóa kho.

Đối với Công ty khử trùng V, bị đơn cho rằng Công ty khử trùng không có lỗi trong việc dẫn đến cháy kho nên bị đơn không có ý kiến gì.

Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn là bà Hồ Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:** thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

- **Người đại diện cho Công ty cổ phần khử trùng V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:** Công ty đã thực hiện đúng với hợp đồng khử trùng, thực hiện đúng về quy trình, phương pháp khử trùng đã được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền. Theo văn bản giải thích của cơ quan giám định thì “*Việc thực hiện khử trùng không có tác động đến việc tăng nhiệt độ dẫn đến sản tự cháy*”. Mặt khác cả nguyên đơn, bị đơn đều cho rằng Công ty khử trùng không có lỗi trong việc cháy kho và cũng không ai yêu cầu gì. Vì vậy Công ty khử trùng không có lỗi và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- **Người đại diện cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ bảo vệ T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:** Vào ngày 04/02/2016 Công ty T, BIDV Nam Gia Lai và DNTN P ký Hợp đồng thuê giám sát kho hàng số: 01/2016/10611129/HĐBĐ. Theo hợp đồng thì Công ty T bảo vệ vòng ngoài và giám sát số lượng hàng hóa ra vào kho, ngay sau khi ký hợp đồng Công ty T đã cử nhân viên là ông Chu Văn B lên kho thực hiện nhiệm vụ canh gác 24/24. Khi ông B lên nhận nhiệm vụ thì BIDV Nam Gia Lai đã khóa và niêm phong kho, từ khi Công ty T ký hợp đồng giám sát kho hàng đến khi cháy kho, DNTN P vào kho được hai lần, lần thứ nhất xuất hơn 93 tấn hàng và lần thứ hai khử trùng. DNTN P muốn vào kho thì phải có lệnh của BIDV Nam Gia Lai bằng văn bản hoặc gửi mail cho Công ty T sau đó ông Hải gọi điện cho ông B mới được mở kho (chìa khóa kho do BIDV Nam Gia Lai giữ). Khi phát hiện ra cháy kho Công ty T đã trực tiếp báo ngay với BIDV Nam Gia Lai, lúc đó ông B là người giữ chìa khóa kho chỉ mở một cửa kho hôm khử trùng còn các cửa khác không mở phải chờ lệnh đồng ý của BIDV Nam Gia Lai mới mở niêm phong để vào chữa cháy, khi hàng hóa sản lát cứu được số lượng nhỏ thì cũng phải có văn bản đồng ý của BIDV Nam Gia Lai cho DNTN P chở ra khỏi kho thì Công ty T mới cho chở đi và số lượng cụ thể Công ty T đã cung cấp bằng văn bản cho Tòa. Từ khi Công ty T ký hợp đồng giám sát kho hàng đến khi cháy kho thì BIDV Nam Gia Lai không lên kho để kiểm tra hàng hóa. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định của bản án sơ thẩm

Quyết định của bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai:

Áp dụng: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 345, Điều 346, Điều 347, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 351 và Điều 162 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng: Điều 3, Điều 4, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 302, Điều 303, 304, Điều 305 và Điều 319 Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 91 đến Điều 109 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P về yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thế chấp tài sản.

1. Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P với tổng số tiền phải bồi thường là 78.376.128.720 đồng, gồm các khoản thiệt hại cụ thể như sau:

Thiệt hại về hàng hóa (sắn lát khô) 94.494.840.000 đồng.

Thiệt hại về nhà kho + tường rào 10.557.986.297 đồng.

Thiệt hại về chi phí chữa cháy 342.150.763 đồng.

Thiệt hại về tiền lãi: 27.740.014.140 đồng.

Tổng cộng các khoản thiệt hại là 133.134.991.200 đồng - 2.508.110.000 đồng là số tiền DNTN P thu được từ bán sắn lát bị cháy đen = 130.626.881.200 đồng x BIDV có lãi 60% = 78.376.128.720 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

3. Nội dung kháng cáo.

Ngày 6/9/2022 nguyên đơn là ông Hồ Viết C – chủ doanh nghiệp tư nhân P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 8/9/2022 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến xác định trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm được cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số

14/2022/KDTM -ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, theo hướng bị đơn chỉ chịu 30% đối với các thiệt hại sau: thiệt hại về hàng hóa (sắn lát khô) là 20.000 tấn sắn lát trị giá 88.000.000.000 đồng – 2.508.110.000 đồng tiền sắn lát bị cháy đen bán được, thiệt hại về chi phí chữa cháy 342.150.763 đồng và thiệt hại về tiền lãi: 27.740.014.140 đồng, không tính thiệt hại đối với nhà kho. Đối với thiệt hại về nhà kho là 10.557.986.297 đồng P không thể chấp nhà kho cho BIDV Nam Gia Lai nên không tính phần thiệt hại về nhà kho. Tổng số tiền ngân hàng phải bồi thường là 34.072.216.471 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Viết C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H, bị đơn ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V, thấy rằng:

[2.1] Vào ngày 04/12/2015, ông Lê Viết C – Chủ DNTN P và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Nam Gia Lai (viết tắt là BIDV Nam Gia Lai) ký kết Hợp đồng số 01/2015/1061129/HĐBĐ về việc thế chấp hàng hoá là sắn lát khô có trong kho Ia Grai tại xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai của DNTN P để vay vốn kinh doanh. Hai bên xác định khối lượng hàng hoá thế chấp là 20.000 tấn sắn lát khô có giá trị 88 tỷ đồng. Ngân hàng BIDV Nam Gia Lai giải ngân cho DNTN P vay số tiền 35.200.000.000 đồng. Ngày 07/12/2015, DNTN P và Công ty bảo hiểm Bảo Minh ký kết với nhau hợp đồng bảo hiểm đối với số hàng hoá này. Ngày 04/02/2016, BIDV Nam Gia Lai, DNTN P và Công ty CP TMDV bảo vệ T ký kết với nhau Hợp đồng thuê giám sát kho hàng số 01/2016, theo đó, Công ty T thực hiện việc quản lý, giám sát việc nhập kho, xuất kho đối với số hàng hoá đã được DNTN P thế chấp cho BIDV Nam Gia Lai. Ngày 11/3/2016, DNTN P xuất kho 93.460 kg sắn lát. Ngày 15/3/2016, DNTN P tiến hành khử trùng kho (Hợp đồng khử trùng nguyên tắc được ký kết giữa DNTN P với Công ty CP Khử trùng V ngày 01/01/2016). Ngày 22/3/2016, kho hàng bị cháy, đã được chữa cháy và Công an tỉnh Gia Lai lập hồ sơ tin báo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tổng số thiệt hại là 130.626.881.200 đồng bao gồm 21.476.100 kg sắn lát khô với chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu có giá trị là 94.494.840.000 đồng + thiệt hại về nhà kho: 10.557.986.297 đồng + thiệt hại về chi phí chữa cháy: 342.150.763 đồng - 2.508.110.000 đồng số tiền sắn lát cháy đen nguyên đơn bán thu được + thiệt hại về lãi suất 27.740.014.140 đồng là phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ bởi:

Theo DNTN P thì thời điểm cháy kho lượng sản lát là 22.039.510 kg trị giá lô hàng là 105.789.648.000 đồng, tương đương 4.709.087,38USD. Quá trình chữa cháy đã cứu được 1.703.460 kg sản lát khô, trong đó có 563.410 kg chưa bị cháy, có 1.140.050 kg bị cháy đen, lẫn tạp chất. DNTN P đã xin phép và được sự đồng ý của Ngân hàng cho chở đi bán. Số sản lát bán được là $1.140.050 \times 2.200 = 2.508.110.000$ đồng, DNTN P yêu cầu bồi thường thiệt hại là $22.039.510 \times 4.400 = 96.973.844.000$ đồng, trừ đi số bán được là 2.508.110.000 đồng và trừ đi số chưa cháy là 2.479.004.000 đồng.

Chi phí chữa cháy 342.150.763 đồng nguyên đơn đã cung cấp hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Thiệt hại về nhà kho theo biên bản định giá là 10.557.986.297 đồng. Mặc dù P thế chấp kho cho ngân hàng khác nhưng việc cháy đã làm cho nhà kho bị thiệt hại toàn bộ, P đã xây dựng nhà kho mới nên thiệt hại về nhà kho là có thật nên chấp nhận.

Đối với thiệt hại về lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 4,2%/năm đối với số tiền bị thiệt hại là đã căn cứ vào lãi suất cho vay của các ngân hàng tại thời điểm xảy ra thiệt hại và lãi suất của các hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn đã vay tại ngân hàng bị đơn và các ngân hàng khác.

[2.2]. Nguyên nhân vụ cháy theo kết luận giám định nguyên nhân cháy số 193, 381/C54C-Đ3 ngày 21/6/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: “Nguyên nhân cháy: Sát trên bề mặt nền xi măng dưới đồng sắt lát tại góc phía Đông Bắc khoang số 02 có lớp bột sắn tích tụ lâu ngày bị ẩm mốc, dẫn tới quá trình lên men vi sinh làm phát nhiệt, nhiệt này không được thoát ra nên tích tụ lại làm nhiệt độ khu vực này tăng cao đến khi tự cháy, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nói trên”. Phía Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng giải thích: “Quá trình lên men tự nhiên lớp bột sắn là quá trình vi sinh vật trong tự nhiên sử dụng các điều kiện của môi trường tự nhiên (nhiệt độ, độ ẩm, thời gian, lượng oxy, độ PH..) để trao đổi chất. Trong quá trình trao đổi chất, vi sinh vật phát triển về số lượng, sinh khối, đồng thời sinh ra các sản phẩm trao đổi chất. Quá trình lên men lớp bột sắn sẽ sinh ra ethanol (cồn), kèm hiệu ứng sinh nhiệt và diễn ra trong khoảng thời gian nhất định tùy thuộc môi trường. Do không có được điều kiện của môi trường tự nhiên tại thời điểm xảy ra cháy nên không có được điều kiện thực nghiệm quá trình lên men bột sắn. Do vậy, không đủ căn cứ để trả lời quá trình lên men vi sinh là bao lâu”.

Sau quá trình điều tra, xác minh vụ cháy kho hàng sản lát của DNTN Phú Lợi, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai đã ra thông báo số 891/PC45 ngày 25/7/2016 kết luận: “Nguyên nhân dẫn đến vụ cháy kho là do bột sắn lát tích tụ lâu ngày, bị ẩm mốc, dẫn đến quá trình lên men vi sinh, trong điều kiện thời tiết nắng nóng là phát nhiệt dẫn đến tự cháy”.

Như vậy, nguyên nhân cháy kho không có căn cứ xuất phát từ hành vi phạm tội của con người, nhưng không phải là sự kiện bất khả kháng mà do lỗi chủ quan của chính con người, không lường trước được hậu quả để dẫn đến thiệt hại xảy ra.

[2.3]. Công ty cổ phần khử trùng V tại Quy Nhơn không có lỗi trong việc cháy kho nêu trên nên không có trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do cho cháy kho gây ra.

[2.4]. Với kết luận giám định nguyên nhân cháy nêu trên thì căn cứ điểm I mục A khoản II của Quy tắc Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt được ban hành theo QĐ số 1740/2004 ngày 15/12/2004 của Tổng giám đốc Tổng Công ty CP Bảo Minh, quy tắc này đính kèm và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm số PFF 00999081 ngày 07/12/2015, được quy định tại mục 3 trong Hợp đồng bảo hiểm thì trường hợp này dù bảo hiểm ký kết với Công ty Bảo Minh còn hạn hay được tiếp tục ký lại cũng không được chi trả bảo hiểm (thuộc danh mục bị loại trừ bảo hiểm). Như vậy, vấn đề bồi thường bảo hiểm sẽ không được xem xét nhưng để đánh giá lỗi của cả 2 bên DNTN P và Ngân hàng đầu tư trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm nêu trên.

[2.5]. Tại hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015 ngày 04/12/2015 giữa bên thế chấp DNTN P và bên nhận thế chấp Ngân hàng đầu tư và phát triển Nam Gia Lai quy định bên thế chấp tài sản (DNTN P) có trách nhiệm bảo quản tài sản thế chấp, việc Ngân hàng đầu tư niêm phong quản lý ổ khóa kho hàng xuất phát từ yêu cầu của bên DNTN P thể hiện tại công văn 034/2015 ngày 21/9/2015 mà DNTN P gửi cho Ngân hàng đầu tư trước khi cả 2 cùng đi đến thỏa thuận tại biên bản định giá ngày 04/12/2015. Ngân hàng niêm phong kho và quản lý ổ khóa để quản lý việc xuất nhập hàng hóa theo sự thỏa thuận của 2 bên nên không vi phạm hợp đồng thế chấp. Tại hợp đồng thuê giám sát kho hàng giữa Ngân hàng đầu tư – DNTN P – Công ty bảo vệ T cũng quy định rõ bên DNTN P có nghĩa vụ đảm bảo các điều kiện cần thiết trong việc vận chuyển, bốc xếp hàng hóa và các điều kiện bảo quản hàng hóa khác như nhiệt độ, độ ẩm trong kho để không làm thay đổi chất lượng hàng hóa, điều này thể hiện việc bảo quản tài sản trong kho là việc của DNTN P chứ không phải là việc của Ngân hàng đầu tư, Ngân hàng đầu tư tuy giữ chìa khóa kho nhưng không cản trở việc DNTN P vào kho bảo quản tài sản thể hiện bằng việc Ngân hàng đồng ý để cho DNTN P thuê Công ty khử trùng vào khử trùng kho hàng vì vậy Ngân hàng không có lỗi trong bảo quản tài sản thế chấp mà đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc cháy kho hàng.

[2.6]. Xét về lỗi của Ngân hàng đầu tư trong vụ án này thấy rằng:

Ngân hàng đã không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa 1 tháng /1 lần theo biên bản định giá tài sản ngày 04/12/2015 giữa DNTN P và Ngân hàng đầu tư để đảm bảo an toàn về số lượng, giá trị hàng hóa đảm bảo nợ vay, tuy nhiên Ngân hàng đã không thực hiện việc định kỳ lên kiểm tra hàng hóa để xem xét nếu có ẩm mốc hay tài sản bị hư hại kịp thời phối hợp với DNTN P xử lý thì sẽ không xảy ra việc cháy kho hàng. Tại lời khai ngày 22/3/2021 của ông Chu Văn B là bảo vệ của Công ty T thì từ khi ông nhận bảo vệ kho hàng chứa sản phẩm P tại xã I, bên Ngân hàng đầu tư không ai lên kiểm tra hay mở cửa kho hàng điều này thể hiện việc Ngân hàng thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra hàng hóa.

Bên cạnh đó, cũng theo lời khai của ông B tại phiên tòa sơ thẩm, ông B là người giữ 1 chìa khóa kho hôm Công ty khử trùng vào khử trùng kho để Ngân

hàng đầu tư đến lấy chìa và niêm phong nhưng Ngân hàng chưa kịp đến lấy chìa khóa thì xảy ra cháy kho hàng. Khi cháy kho hàng vì ông B còn giữ 1 chìa khóa nên đã mở cửa kho hôm khử trùng còn cửa các kho khác không mở được phải chờ lệnh đồng ý của BIDV mới mở niêm phong để vào chữa cháy. Khi ông B báo cháy kho thì khoảng 1 tiếng sau Ngân hàng mới lệnh cho mở tất cả các cửa kho để chữa cháy. Điều này thể hiện Ngân hàng đã chậm trễ trong việc chữa cháy kho hàng nên đã gây ra thiệt hại lớn trong việc cháy kho hàng.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 26/6/2020 Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Gia Lai cung cấp “*Kho chứa hàng nông sản của DNTN P tại xã I, huyện Ia Grai thuộc đối tượng phải quản lý về phòng cháy, chữa cháy theo phụ lục 01 Nghị định 79/2014/NĐCP ngày 31/7/2014. Kho hàng thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.*”

Tại điều 7 hợp đồng thế chấp quy định về quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp (DNTN P) trong đó thể hiện bên thế chấp có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản thế chấp trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng tại một công ty bảo hiểm được Ngân hàng chấp nhận. Trường hợp bên thế chấp đã mua bảo hiểm cho tài sản thế chấp thì khoản tiền bảo hiểm cũng thuộc tài sản thế chấp. Quyền thụ hưởng tiền bồi thường bảo hiểm thuộc về Ngân hàng.

Tại Điều 8 hợp đồng thế chấp quy định về quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng thể hiện bên Ngân hàng giữ giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu; Hợp đồng bảo hiểm và các giấy tờ khác...

Từ các quy định trên thấy rằng Ngân hàng là người giữ hợp đồng bảo hiểm và có trách nhiệm yêu cầu DNTN P mua bảo hiểm tài sản thế chấp vì quyền thụ hưởng bồi thường bảo hiểm thuộc về Ngân hàng, nhưng đã không thỏa thuận với DNTN P về việc lựa chọn hợp đồng bảo hiểm ký kết theo đúng quy định và khi hết hợp đồng bảo hiểm Ngân hàng có trách nhiệm yêu cầu bên DNTN P ký lại hợp đồng bảo hiểm về cháy nổ theo quy định để đảm bảo cho tài sản thế chấp trong trường hợp có cháy nổ xảy ra. Đây có phần lỗi của Ngân hàng trong việc ký kết và tái ký kết hợp đồng bảo hiểm.

[2.7]. Xét về lỗi của DNTN P trong vụ án này thấy rằng:

DNTN P có trách nhiệm chính trong việc bảo quản tài sản thế chấp bởi:

Tại Điều 7 Hợp đồng thế chấp tài sản quy định về quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp tài sản (DNTN P) thể hiện bên DNTN P là người bảo quản tài sản thế chấp.

Tại Điều 7 Hợp đồng thuê giám sát kho hàng thể hiện nghĩa vụ của bên B (DNTN P) có nghĩa vụ đảm bảo các điều kiện bảo quản hàng hóa như nhiệt độ, độ ẩm trong kho..để không làm thay đổi chất lượng của hàng hóa.

Như vậy, tuy Ngân hàng là người giữ chìa khóa theo sự thỏa thuận của 2 bên nhưng trách nhiệm của DNTN P là bảo quản tài sản thế chấp nhưng DNTN P đã không phối hợp với Ngân hàng để định kỳ kiểm tra tài sản thế chấp xem tài sản có bị ẩm mốc hay không? Nhiệt độ có phù hợp hay không? Nếu phát hiện nhiệt độ bên ngoài nắng nóng sẽ làm hư hại tài sản thế chấp hoặc có thể dẫn đến việc cháy nổ cần phải cảnh báo bằng văn bản cho Ngân hàng biết để phối hợp bảo quản tài sản. Theo kết luận của cơ quan chức năng “Nguyên nhân vụ cháy là

do bột sắn lát tích tụ lâu ngày bị ẩm mốc dẫn đến quá trình lên men vi sinh, trong điều kiện thời tiết nắng nóng làm phát nhiệt dẫn đến tự cháy”. Việc bột sắn lát tích tụ lâu ngày bị ẩm mốc là một thời gian dài nhưng DNTN P đã không phát hiện ra việc này nên khi gặp thời tiết nắng nóng đã phát sinh ra nhiệt dẫn đến tự cháy đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc cháy kho hàng.

Mặt khác, DNTN P không đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy tại kho hàng:

Tại Biên bản xác minh ngày 26/6/2020 tại Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Gia Lai (BL 3083): Hàng năm phòng PC07 tổ chức thực hiện việc kiểm tra định kỳ về PCCC đối với kho hàng nói trên theo ND 79/2014/NĐCP ngày 31/7/2014 và TT 66/2014/TT-BCA. Trong quá trình kiểm tra thì chủ kho hàng thực hiện không đầy đủ các kiến nghị nhắc nhở của cơ quan đơn vị thực hiện kiểm tra an toàn PCCC. Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Gia Lai cung cấp: “Trong quá trình kiểm tra thì chủ kho hàng thực hiện không đầy đủ các kiến nghị nhắc nhở của cơ quan đơn vị kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy”.

Các kiến nghị nhắc nhở được thể hiện tại các Biên bản kiểm tra PCCC gồm: Chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho cán bộ nhân viên; Chưa lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, hệ thống chống sét theo quy định; phương tiện chữa cháy trang bị chưa đủ số lượng và một số bình chữa cháy đã hết khí và hỏng; chưa có nguồn nước chữa cháy...

Việc kiểm tra PCCC đối với DNTN P đã diễn ra trước khi vụ cháy ngày 22/3/2016 xảy ra và cũng không có biên bản nào xác nhận DNTN P đã khắc phục các biện pháp PCCC nên cho thấy việc DNTN P không đảm bảo việc phòng cháy.

Khi việc cháy kho hàng xảy ra nếu như bên DNTN P làm tốt yêu cầu về phòng cháy thì việc chữa cháy sẽ kịp thời hơn và sẽ làm giảm thiệt hại về tài sản trong vụ cháy. Điều này thể hiện tại công văn số 831/PCCC-CNCH-P3 ngày 14/4/2022 của Bộ công an cục cảnh sát phòng cháy chữa cháy trong đó có nêu: “Nếu người đứng đầu cơ sở (chủ kho hàng) thực hiện đúng theo quy định phòng cháy chữa cháy về trang bị phương tiện, hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động và có nguồn nước bảo đảm, thành lập và duy trì hoạt động của đội PCCC cơ sở thì có thể dập tắt đám cháy trong thời gian ngắn và sẽ hạn chế được tối đa thiệt hại do cháy gây ra, cụ thể: Nguồn nước chữa cháy tại chỗ bảo đảm yêu cầu chữa cháy tối thiểu trong 03 giờ thì lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH không phải thực hiện tiếp nước gây mất thời gian, gián đoạn chữa cháy và ảnh hưởng đến hiệu quả chữa cháy chung; Thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên Đội PCCC cơ sở đồng thời các thành viên Đội PCCC cơ sở thường xuyên được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC theo quy định, sử dụng vận hành thành thạo các hệ thống chữa cháy tại chỗ; cơ sở có phương án chữa cháy và thường xuyên tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo quy định...thì sẽ kịp thời phát hiện và chữa cháy hiệu quả trong thời gian dưới 30 phút (thời gian chữa cháy hiệu quả nhất đối với các vụ cháy là trong 10 phút đầu, kể từ khi phát sinh cháy. Sau 10 phút, đám cháy có thể đạt tới vận tốc cháy tối đa của chất cháy, dẫn đến cháy lan

nhánh và diện tích đám cháy có thể phát triển lớn trong thời gian ngắn gây khó khăn cho hoạt động chữa cháy”.

Hơn nữa là trách nhiệm của DNTN P trong việc ký kết và tái ký kết hợp đồng bảo hiểm:

Theo xác minh tại Phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Gia Lai thể hiện: Kho hàng trên thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo NĐ 130/2006/NĐCP ngày 08/11/2006. Hàng năm phòng PC07 tổ chức thực hiện việc kiểm tra định kỳ về PCCC đối với kho hàng nói trên theo NĐ 79/2014/NĐCP ngày 31/7/2014 và TT 66/2014/TT-BCA phía ông Lê Viết C – chủ DNTN P biết được việc này nên có trách nhiệm trao đổi 03 bên giữa BIDV – Công ty bảo hiểm Bảo Minh để cùng xác định loại hình bảo hiểm cháy nổ đúng theo quy định để khi xảy ra cháy nổ được bảo hiểm theo quy định. Tuy nhiên Ngân hàng, DNTN P và công ty Bảo Minh Gia Lai đã ký kết hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra cháy nổ thì cũng không được bảo hiểm.

Mặt khác, Biên bản lấy lời khai của ông Văn Đức Long – GD Công ty Bảo Minh Gia Lai ngày 23/3/2021 (BL 3165, 3266): Khi hết hạn hợp đồng vào ngày 06/3/2015 thì khai thác viên của Bảo hiểm Bảo Minh là ông Nguyễn Minh Hải đã nhiều lần gọi điện thông báo cho DNTN P về việc hết hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm kho hàng và đề nghị tiếp tục lại hợp đồng bảo hiểm nhưng không thấy DNTN P tái tiếp tục hợp đồng. Như vậy, bên DNTN P biết về việc bảo hiểm đã hết hạn theo hợp đồng nhưng không đề nghị bên Ngân hàng để 3 bên ký lại hợp đồng bảo hiểm.

[2.8]. Từ những phân tích nêu trên khi xem xét về lỗi khi xảy ra vụ cháy vào ngày 22/3/2016 thấy rằng bên DNTN P có lỗi nhiều hơn bên Ngân hàng đầu tư. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Ngân hàng đầu tư có lỗi nhiều hơn cụ thể xác định lỗi của Ngân hàng là 60%, DNTN P 40% và phải bồi thường tương ứng với phần lỗi của mình là không phù hợp vì vậy hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V sửa án sơ thẩm buộc Ngân hàng phải bồi thường 30% tương ứng với phần lỗi và DNTN P phải chịu trách nhiệm 70% tương ứng với phần lỗi theo quy định. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Viết C – chủ doanh nghiệp tư nhân P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H về việc yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa phần án phí sơ thẩm theo quy định.

[3] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Viết C chủ Doanh nghiệp tư nhân P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai như sau:

Áp dụng: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 345, Điều 346, Điều 347, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 351 và Điều 162 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng: Điều 3, Điều 4, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 302, Điều 303, 304, Điều 305 và Điều 319 Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 91 đến Điều 109 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P về yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thế chấp tài sản.

2.1. Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P với tổng số tiền phải bồi thường là 39.188.064.360 đồng, gồm các khoản thiệt hại cụ thể như sau:

Thiệt hại về hàng hóa (sắn lát khô) 94.494.840.000 đồng.

Thiệt hại về nhà kho + tường rào 10.557.986.297 đồng.

Thiệt hại về chi phí chữa cháy 342.150.763 đồng.

Thiệt hại về tiền lãi: 27.740.014.140 đồng.

Tổng cộng các khoản thiệt hại là 133.134.991.200 đồng - 2.508.110.000 đồng là số tiền DNTN P thu được từ bán sắn lát bị cháy đen = 130.626.881.200 đồng x BIDV có lỗi 30% = 39.188.064.360 đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V phải chịu án phí số tiền là 147.188.064 đồng.

Nguyên đơn ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải chịu số tiền án phí là 265.551.860 đồng, được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 265.449.073 đồng, theo các biên lai thu tiền tạm ứng số: 0001948 ngày 23 tháng 09 năm 2019, số: 0000027 ngày 31 tháng 05 năm 2021, số: 0000154 ngày 29 tháng 6 năm 2021 và số: 0000889 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải nộp thêm 102.787 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

2.3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản phải chịu là 8.000.000 đồng. Ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P tự nguyện chịu số tiền là 8.000.000 đồng, ông Lê Viết C- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm

Ông Lê Viết C- chủ doanh nghiệp tư nhân P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Lê Viết C- chủ doanh nghiệp tư nhân P 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002421 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bà Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà Hồ Thị H 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002422 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002423 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, TDS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Giáp Bá Dự